NGOẠI NGỮ VỚI BẢN NGỮ

CẢNH HUỐNG LỚP HỌC, VAI TRÒ CỦA GIẢNG VIÊN TRONG VIỆC HÌNH THÀNH THÁI ĐỘ NGÔN NGỮ CỦA SINH VIÊN: KHẢO SÁT TRƯỜNG HỢP

NGUYỄN THANH VÂN*

TÓM TẮT: Bài viết phân tích vai trò của giảng viên trong cảnh huống lớp học đối với sự hình thành thái độ ngôn ngữ của sinh viên trong dạy - học tiếng Anh ở bậc đại học dưới góc nhìn xã hội học ngôn ngữ. Dữ liệu được thu thập bằng khảo sát định lượng (thang Likert 5 mức) từ sinh viên hai cơ sở đào tạo tại Thành phố Hồ Chí Minh. Kết quả cho thấy, cảnh huống lớp học thông qua hoạt động, phương pháp và mức độ khuyến khích của giảng viên có ảnh hưởng đến thái độ ngôn ngữ của sinh viên đối với tiếng Anh. Sinh viên có thái độ tích cực đối với tiếng Anh nhưng lại chưa thể hiện hành vi giao tiếp tự tin. Bài viết nhấn mạnh vai trò của giảng viên như một tác nhân xã hội trong việc kiến tạo môi trường ngôn ngữ và đề xuất giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả giảng dạy tiếng Anh ở bậc đại học.

TỪ KHÓA: Giảng viên; cảnh huống lớp học; thái độ ngôn ngữ; sinh viên đại học; tiếng Anh.

NHẬN BÀI: 29/01/2026. BIÊN TẬP-CHỈNH SỬA-DUYỆT ĐĂNG: 19/05/2026

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh tiếng Anh trở thành công cụ thiết yếu trong học thuật và nghề nghiệp, việc hiểu rõ các yếu tố ảnh hưởng đến thái độ ngôn ngữ của sinh viên đối với tiếng Anh ngày càng có ý nghĩa quan trọng. Trong các nghiên cứu về thái độ ngôn ngữ, nhiều công trình nhấn mạnh yếu tố động lực và định hướng thái độ (Gardner & Lambert),nhưng trong bối cảnh lớp học đại học Việt Nam, vai trò của giảng viên như một tác nhân xã hội lên ba thành tố thái độ (nhận thức - cảm xúc - hành vi) vẫn cần được làm rõ hơn bằng dữ liệu thực chứng. Nói cách khác, thay vì chỉ khẳng định "giảng viên quan trọng", cần chỉ ra giảng viên tác động bằng những con đường nào, và vì sao cùng một mức khuyến khích vẫn có thể tạo ra mức tham gia giao tiếp khác nhau.

Vì vậy, bài viết tập trung phân tích vai trò của giảng viên trong cảnh huống lớp học đối với sự hình thành thái độ ngôn ngữ của sinh viên tại Thành phố Hồ Chí Minh, nhằm trả lời các câu hỏi nghiên cứu: 1) Thái độ ngôn ngữ của sinh viên biểu hiện như thế nào trong lớp tiếng Anh bậc đại học?; 2) Mức độ khuyến khích và phương pháp giảng dạy của giảng viên liên hệ ra sao với hành vi tham gia (phát biểu, tương tác, thực hành nói) của sinh viên? Bài viết nhằm kết nối hai bình diện: (i) mô tả thực trạng thái độ ngôn ngữ của sinh viên trong lớp tiếng Anh bằng dữ liệu khảo sát; (ii) lập luận về vai trò của giảng viên trong cảnh huống lớp học.

2. Cơ sở lí luận

Thái độ ngôn ngữ (language attitude) được xem là yếu tố quyết định trong quá trình tiếp thu và sử dụng ngoại ngữ, liên quan đến nhận thức, cảm xúc và hành vi của người học đối với một ngôn ngữ. Theo quan điểm của Gardner & Lambert, thái độ tích cực có thể thúc đẩy động lực nội tại, từ đó cải thiện hiệu quả học tập. Trong khi đó, cảnh huống lớp học (classroom context) bao gồm cơ cấu hoạt động, tương tác thầy - trò, môi trường giao tiếp và phương pháp sư phạm, được xem là không gian xã hội nơi thái độ ngôn ngữ được hình thành và thay đổi.

Giảng viên, với vai trò người tổ chức và định hướng, có ảnh hưởng trực tiếp tới nhận thức và mức độ hứng thú của sinh viên. Các nghiên cứu về năng lực sư phạm chỉ ra rằng sự nhiệt tình, khả năng truyền đạt và tính hỗ trợ của giảng viên có thể tạo ra bầu không khí học tập tích cực, góp phần hình thành thái độ thuận lợi với tiếng Anh. Ngược lại, phương pháp giảng dạy thiếu tương tác hoặc môi trường lớp học căng thẳng dễ dẫn đến thái độ tiêu cực. Do đó, việc phân tích vai trò của giảng viên trong cảnh huống lớp học giúp giải thích cơ chế tác động đến thái độ ngôn ngữ của sinh viên.

**TS; Trường Đại học Thủ Dầu Một; Email: thanhvan0915@gmail.com*

3. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng phương pháp khảo sát định lượng nhằm xác định mức độ ảnh hưởng của giảng viên trong cảnh huống lớp học đến thái độ ngôn ngữ của sinh viên đối với tiếng Anh. Dữ liệu được thu thập thông qua bảng hỏi. Các mục hỏi được thiết kế theo thang đo Likert 5 mức độ, đảm bảo tính nhất quán và khả năng phân tích thống kê. Bảng hỏi được thiết kế theo các nhóm biến:

- Nhóm biến về cảnh huống lớp học/ giảng viên (mức khuyến khích sử dụng tiếng Anh; mức tạo hứng thú của phương pháp; hỗ trợ - đồng hành; tổ chức hoạt động tương tác).
- Nhóm biến về thái độ ngôn ngữ (nhận thức, cảm xúc, hành vi), trong đó hành vi được đo qua các chỉ báo như mức phát biểu, mức thực hành nói với bạn học, mức sử dụng tiếng Anh trong lớp.

Mẫu khảo sát gồm các sinh viên năm nhất đến năm tư tại Trường Cao đẳng Công Thương và Đại học Sư phạm kĩ thuật ở Thành phố Hồ Chí Minh, được chọn theo phương pháp chọn mẫu thuận tiện nhưng vẫn bảo đảm sự đa dạng về chuyên ngành và trình độ tiếng Anh. Dữ liệu thu thập được nhập và xử lí bằng phần mềm thống kê SPSS nhằm tính toán giá trị trung bình, độ lệch chuẩn, hệ số tương quan và mức độ ảnh hưởng của các biến độc lập lên thái độ ngôn ngữ. Ngoài ra, nghiên cứu sử dụng kiểm định Chi-square cho các biến định tính nhằm kiểm tra mối liên hệ giữa (i) khuyến khích của giảng viên và (ii) mức phát biểu của sinh viên. Để tăng tính thuyết phục khoa học, bài viết kiểm định độ tin cậy thang đo (Cronbach's alpha) theo từng nhóm biến. Kết quả phân tích được sử dụng để xác định các yếu tố thuộc về giảng viên và cảnh huống lớp học có tác động mạnh nhất đến thái độ của sinh viên đối với tiếng Anh.

4. Vai trò giảng viên trong cảnh huống lớp học đối với sự hình thành thái độ ngôn ngữ của sinh viên (SV)

Xem xét ở góc độ hẹp nhất là phạm vi lớp học, cảnh huống và chính sách tiếng Anh tác động đến thái độ của người học dựa trên cầu nối quan trọng là hoạt động của người dạy. Quan điểm giáo dục truyền thống với sự trao đổi thuần túy một chiều, với vai trò trung tâm của người thầy hiện đã không còn phù hợp. Sự không phù hợp ấy càng bộc lộ rõ nếu đem áp dụng vào hoạt động giảng dạy và học tập là tiếng Anh - mộtmôn học cần rất nhiều sự tương tác và thể hiện kĩ năng của người học. Do đó, vai trò trung tâm của người học, vai trò truyền cảm hứng của người thầy là nguyên tắc căn bản trong các hoạt động giáo dục hiện đại nói chung và dạy tiếng Anh nói riêng. Người thầy có thể truyền cảm hứng cho sinh viên thông qua nhiều hoạt động khác nhau: có thể là từ chính những phẩm chất vốn có, tấm gương của người thầy, là cách thức truyền đạt kích thích thái độ tích cực của người học, là cách thức giúp người học vượt qua những rào cản ngôn ngữ để thoải mái bộc lộ năng lực bản thân.

Chính người thầy sẽ thiết kế môi trường giả định mang tính thực định để người học có cơ hội thực hành. Làm tốt điều này, người thầy sẽ giúp sinh viên được sống trong một cảnh huống ngôn ngữ gắn kết với thực tế sử dụng của chính ngôn ngữ đó, cũng như nhận thức sâu sắc hơn vai trò, vị thế của ngôn ngữ đó trong đời sống, đồng thời tiến dần hơn với việc thực hiện mục tiêu về chính sách ngôn ngữ do nhà trường đề ra.

Kết quả khảo sát cho thấy sinh viên có sự quan tâm đặc biệt đến hoạt động học tập trong lớp nói chung, cụ thể tới hoạt động của người dạy và môi trường xung quanh lớp học. Thực tế cho thấy sinh viên thực hành tiếng Anh nhiều nhất trong môi trường lớp học. Do đó, có thể nói cảnh huống tiếng Anh hẹp này có vai trò tác động đến thái độ của sinh viên trong giai đoạn học tập, thậm chí có vai trò to lớn hơn là làm cho người học hình thành nảy sinh thái độ tích cực mà trước đó chưa có hoặc có thể khiến người học có cảm xúc chán nản, thờ ơ nếu lớp học không thực sự thu hút được người học. Ở các bậc học thấp hơn, người học có thể học tiếng Anh như một môn học, vì mong muốn của cha mẹ, vì sự phân bố trong chương trình mà chưa rõ được vị thế thực sự của nó trong đời sống thì ở bậc đại học, sinh viên có những yêu cầu cao hơn và có chủ đích rõ ràng trong việc học. Do đó, nếu nhu cầu học tập không được thỏa mãn, người học sẽ dễ phát sinh tâm lí thất vọng. Còn một khi cảm hứng học tập được khơi dậy mạnh mẽ thông qua các chính sách đào tạo được thiết kế linh hoạt và phù hợp với người học, thì người học sẽ có tâm lí hào hứng, sự sẵn lòng trong việc thực hiện các nhiệm vụ ngôn ngữ.

Khi được hỏi rằng "Giảng viên của bạn có khuyến khích bạn sử dụng tiếng Anh trong lớp học không?" thì có đến 1.726 sinh viên (chiếm 86,3%) trả lời là có và 274 sinh viên (chiếm 13,7%) trả lời là không. khoảng cách này hàm ý rằng "khuyến khích" chủ yếu tác động mạnh lên bình diện chuẩn mực/nhận thức (người học biết nên dùng tiếng Anh) nhưng chưa đủ để làm thay đổi bình diện cảm xúc rủi ro (lo sợ sai, ngại bị đánh giá) - vốn quyết định hành vi giao tiếp. Nói cách khác, lớp học không chỉ cần "lời khuyến khích" mà cần một thiết kế tương tác giảm rủi ro, nơi lỗi sai được xử lí như tài nguyên học tập và lượt lời được phân bổ có chủ đích.

Kết quả khảo sát cũng cho thấy người dạy đã đặt người học ở vị thế trung tâm của hoạt động giáo dục và làm cho người học có cảm giác thoải mái bộc lộ năng lực ngôn ngữ của mình trong giờ học. Điều này sẽ hỗ trợ rất nhiều cho việc hình thành thái độ ngôn ngữ tích cực của người học khi học ngoại ngữ.

Kết quả khảo sát này có thể coi là minh chứng cho thành tích của người dạy. Nhưng năng lực ngôn ngữ là tổng hòa của rất nhiều loại năng lực khác nhau, thái độ tích cực là sự phức hợp của rất nhiều các dạng thái độ xuất phát từ các yếu tố khác nhau, cho nên dù được khuyến khích thì người học vẫn chưa có cảm giác thoải mái trong lớp học. Qua kết quả khảo sát, cho thấy được rằng chỉ 24,7% sinh viên trả lời là "Thoải mái bất cứ khi nào nói tiếng Anh trong lớp học" trong khi đó 39,1% là không thoải mái, còn 36,4% sinh viên thì cảm thấy bình thường.

Điều này cho thấy ngay cả trong môi trường lớp học quen thuộc, thái độ ngôn ngữ tích cực chưa đủ để thể hiện sự đồng nhất với mức độ thoải mái về mặt hành vi. Người tiếp cận ngôn ngữ mới vẫn còn ngại ngần, không dám nói tiếng Anh với bạn bè thì khi ra ngoài xã hội, tiếp xúc với đối tượng người nói tiếng Anh khác trong một môi trường rộng lớn, xa lạ, liệu họ có dám thể hiện và thể hiện hiệu quả những gì họ tích lũy được trong quá trình học hay không. Kết quả này cũng cho thấy động lực từ môi trường lớp học chịu tác động nhiều của vai trò người truyền cảm hứng là giảng viên nhưng vai trò tác động đấy không mang tính một chiều. Giảng viên dù có khuyến khích sinh viên hiệu quả thế nào đi chăng nữa, thay đổi hành vi, phương pháp giảng dạy tích cực thế nào đi chăng nữa mà bản thân sinh viên không vượt qua được những rào cản hạn chế tâm lí và ngôn ngữ của chính mình, không vượt qua sự ngại nói, ngại sử dụng ngôn ngữ mới, không tích cực, chủ động tham gia sâu vào các hoạt động, không tương tác với giảng viên và với các bạn trong lớp thì tất yếu cũng không có được động lực học tập. Do đó, bên cạnh những chính sách mang tầm vĩ mô phạm vi quốc gia hay nhà trường, thì chính người dạy ngôn ngữ, phải tự hoạch định những chính sách vi mô cho chính học trò của mình. Chỉ khi nào những chính sách ấy theo sát nhu cầu, nguyện vọng cũng như năng lực của người học thì mới khiến cho người học phát triển động cơ và tình cảm với việc học, cải thiện hành vi trong học tập và do đó sẽ tự giác xây dựng thái độ tích cực với ngôn ngữ mà mình đang được học.

Bên cạnh vai trò hoạch định, người dạy sẽ là người cụ thể hóa chính sách giảng dạy đó trong toàn bộ tiến trình học tập, và hỗ trợ người học từng bước tham gia vào chính sách ấy tạo động lực mạnh mẽ đi đến mục tiêu. Động lực sẽ rõ nét khi có sự cộng hưởng hai chiều và mờ nhạt khi không có sự cộng hưởng ấy được minh định rõ ràng khi chúng tôi liên kết hai kết quả khảo sát về "Giảng viên khuyến khích năng lực ngôn ngữ của sinh viên" với "Sinh viên thường xuyên phát biểu ý kiến trong giờ học". Kết quả như sau:

Bảng 4.1. *Tương quan giữa việc khuyến khích của giảng viên với việc phát biểu của SV*

	Việc phát biểu ý kiến trong giờ học tiếng Anh của sinh viên

Giảng viên khuyến khích sinh viên sử dụng tiếng Anh trong lớp học	Hoàn toàn không đồng ý		Không đồng ý		Bình thường		Đồng ý		Hoàn toàn đồng ý		Tổng
	Sinh viên	%	Sinh viên	%	Sinh viên	%	Sinh viên	%	Sinh viên	%	Sinh viên
Có	97	5,6	357	20,7	866	50,2	331	19,2	75	4,3	1.726
Không	28	10,2	62	22,6	127	46,4	45	16,4	12	4,4	274

Sig. = 0.039 < α = 0.05

Trong số 1.726 sinh viên cho rằng giảng viên khuyến khích năng lực ngôn ngữ của sinh viên thì có 23,5% sinh viên thường xuyên phát biểu trong các tiết học, nhưng số lượng sinh viên ít phát biểu ý kiến của mình cũng có đến 26,3%. Bên cạnh đó, những sinh viên nói rằng giảng viên không khuyến khích sinh viên thì có 20,8% sinh viên thường xuyên phát biểu nhưng có đến 32,8% sinh viên hiếm khi phát biểu trong các tiết học. Điều này cho chúng ta thấy mặc dù giảng viên đã tạo điều kiện, khuyến khích sinh viên thể hiện khả năng ngôn ngữ của bản thân thì số lượng sinh viên thường xuyên phát biểu vẫn còn chiếm tỉ lệ thấp, chủ yếu các bạn thỉnh thoảng mới phát biểu, trình bày ý kiến của mình và để kết quả có tính chính xác cao hơn, tác giả sử dụng kiểm định Chi-Square dành cho hai biến định tính thì kết quả cho thấy rằng mức ý nghĩa quan sát Sig. = 0.039 < α = 0.05. Điều này chứng tỏ rằng giáo viên khuyến khích năng lực ngôn ngữ của sinh viên vẫn chưa làm cho sinh viên thường xuyên phát biểu ý kiến trong lớp học. Mặc dù, giảng viên đã khuyến khích, tạo điều kiện cho các bạn sinh viên thể hiện bản thân mình nhưng sinh viên vẫn còn thụ động, chưa thể hiện sự tương tác hai chiều với giảng viên qua các tiết học.

Kết quả phù hợp với giả thuyết "điều kiện cần nhưng chưa đủ": khuyến khích tạo ra "khả năng" nhưng chưa tạo ra "tất yếu". Các rào cản mang tính cấu trúc của cảnh huống lớp học (lớp học tiếng Anh thường dao động từ 40-70 sinh viên; trình độ không đồng đều) làm suy giảm khả năng chuyển hóa từ thái độ sang hành vi. Vì vậy, thay vì kì vọng khuyến khích sẽ tự động tăng phát biểu, cần xem khuyến khích như một thành tố của chuỗi hoạt động gồm: (i) tổ chức nhiệm vụ nói theo nhóm nhỏ, (ii) sinh viên nhận phản hồi từ giảng viên sau mỗi bài nói, (iii) cơ chế đánh giá quá trình (participation credit) để tạo "trách nhiệm giao tiếp".

Tiếp tục nghiên cứu về yếu tố người giảng dạy và thái độ đối với giờ học tiếng Anh để kiểm tra tính nhất quán, cộng hưởng của thái độ, chúng tôi thu được kết quả như sau:

Bảng 4.2. *Tương quan giữa phương pháp giảng dạy tiếng Anh và việc tham gia lớp học tiếng Anh của SV*

Phương pháp giảng dạy tiếng Anh làm việc học tiếng Anh thú vị	Mong chờ tới giờ học tiếng Anh										
	Hoàn toàn không đồng ý		Không đồng ý		Bình thường		Đồng ý		Hoàn toàn đồng ý		Tổng
	SV	%	SV	%	SV	%	SV	%	SV	%	SV
Có	30	2,4	91	7,1	633	49,7	390	30,6	130	10,2	1.274
Không	31	4,3	124	17,4	375	52,6	125	17,5	58	8,1	713

Khi chúng tôi hỏi đối tượng khảo sát "Giảng viên tiếng Anh hiện tại có làm cho bạn thấy việc học tiếng Anh trở nên thú vị hay không?", có đến 1.274 sinh viên trả lời "Có" chiếm 64,1% trong số 1.274 bạn thú vị với tiếng Anh nhờ vào sự giảng dạy nhiệt tình của giáo viên thì có đến 40,8% hứng thú với các tiết học tiếng Anh và 49,7% trả lời là bình thường. Trong khi đó, với 713 sinh viên trả lời "Không" thì chỉ có 25,6% là mong chờ đến giờ học tiếng Anh. Điều này cho thấy vai trò của giảng viên là vô cùng quan trọng để tạo cảm hứng đến lớp của sinh viên. Như vậy, chúng ta thấy thái độ tích cực đối với việc học tiếng Anh không mang tính cố định trong suốt toàn bộ khóa học mà có sự biến đổi liên quan tới yếu tố người dạy. Người dạy có thể là động lực kích thích sinh viên đi học thường xuyên, hoạt động tích cực, qua đó kích thích sinh viên nỗ lực đạt được mục tiêu, tạo dựng thành quả, mặt khác, người học có thể mất dần hoặc triệt tiêu sự hào hứng, chuyên cần tới lớp, qua đó triệt tiêu luôn nỗ lực vượt khó để đạt mục tiêu. Điều này sẽ bị đẩy nhanh tiến độ hơn nữa, đặc biệt khi thái độ ban đầu của người học không chắc chắn hoặc họ chưa xác lập được vững vàng mục đích của việc học.

Yếu tố tác động tới thái độ còn xuất phát từ việc sinh viên có tìm được sự thích thú, cảm giác thoải mái và sự sẵn lòng khi giao tiếp bằng tiếng Anh với các bạn học của mình không. Hành vi tích cực, thường xuyên giao tiếp với bạn học đóng vai trò vừa là một trong những yếu tố tác động tới thái độ ngôn ngữ của người học, vừa là hành vi thể hiện tính tích cực của thái độ học tiếng Anh.

Việc thường xuyên thực hành nói tiếng Anh với các bạn giỏi cùng lớp sẽ giúp sinh viên tự kiểm tra và cải thiện rất nhiều các kĩ năng chưa hoàn chỉnh của mình. Tuy nhiên chỉ có 24,8% sinh viên thường xuyên thực hành nói tiếng Anh với các bạn trong lớp, trong khi đó có đến 44,8% sinh viên hiếm khi giao tiếp tiếng Anh với bạn giỏi trong lớp. Vấn đề này cần được nhìn nhận từ nhiều góc độ tâm lí, giáo dục khác nhau. Ở góc nhìn bao quát nhất, sinh viên ngại thực hành do bị những rào cản về ngôn ngữ, hạn chế về năng lực. Ở góc nhìn cảnh huống cụ thể, chúng tôi nhận thấy rằng để sinh viên thường xuyên giao tiếp tiếng Anh với các bạn giỏi và các bạn khác trong lớp cần rất nhiều các điều kiện khác nhau. Thứ nhất: ngữ cảnh giao tiếp có phù hợp hay không, đặc biệt ngữ cảnh giờ giải lao hay ngoài giờ học khi người sử dụng luôn có cảm giác nói tiếng mẹ đẻ là thoải mái nhất và diễn đạt tư tưởng của mình trọn vẹn nhất và nhanh nhất; Thứ hai: bản thân các đối tượng tham gia giao tiếp có thực sự tích cực, chủ động từ hai phía hay không; Thứ ba: những chênh lệch, bất lợi về trình độ của các bên giao tiếp sẽ được xử lí như thế nào; Thứ tư: các lỗi sai và hạn chế của các bên giao tiếp sẽ được uốn nắn lại như thế nào khi không có sự tham gia của giảng viên; Thứ năm: có cách thức nào để giảng viên kiểm tra được tính tích cực trong thực hành của người học và coi đó là một trong những tiêu chí đánh giá kết quả học tập, như vậy mới kích thích được sinh viên tăng cường tương tác với nhau.

Khi thực hiện khảo sát, chúng tôi nhận thấy tỉ lệ khá đồng nhất giữa việc "Thường xuyên thực hành nói tiếng Anh với các bạn giỏi trong lớp" và "Cảm thấy thoải mái khi sử dụng tiếng Anh trong lớp học". Nhìn chung, chỉ có 24,7% cảm thấy thoải mái thực sự khi sử dụng tiếng Anh trong lớp. Hỏi về lí do ngại giao tiếp, có nhiều nguyên nhân được liệt kê như không cùng trình độ ngoại ngữ, không có nhiều cơ hội giao tiếp (các câu lạc bộ đội nhóm không phù hợp, thời gian giao tiếp không thoải mái), không muốn giao tiếp bằng tiếng Anh vì áp lực nói đúng và diễn tả đúng…).

Kết quả khảo sát cho thấy sinh viên có mong muốn cao đối với các trải nghiệm gắn với đời thực (ví dụ làm bạn với người nước ngoài; mong đạt chuẩn quốc tế…), trong khi mức sử dụng tiếng Anh ngay trong lớp vẫn thấp (có nhóm trả lời "không hoàn toàn sử dụng tiếng Anh trong lớp"). Dữ liệu này cho thấy người học có "định hướng giá trị" tích cực với tiếng Anh, nhưng lớp học chưa trở thành không gian thỏa mãn nhu cầu trải nghiệm đó.

Khi chúng tôi hỏi sinh viên "Bạn có e ngại khi nói tiếng Anh với bạn bè không?" thì kết quả cho thấy rằng vẫn còn đến 26,6% sinh viên rụt rè khi sử dụng tiếng Anh với bạn bè mình và 34,1% trả lời rằng bình thường. Như vậy thái độ khi thực hiện hành vi ở đây vẫn còn mang tính tiêu cực, cản trở động lực học ngoại ngữ. Sự e ngại khác sự không thoải mái ở chỗ e ngại là trạng thái tâm lí ngượng ngùng, rụt rè khi mình có lỗi hoặc thấp kém hơn người khác. Sinh viên không bao giờ có cảm giác

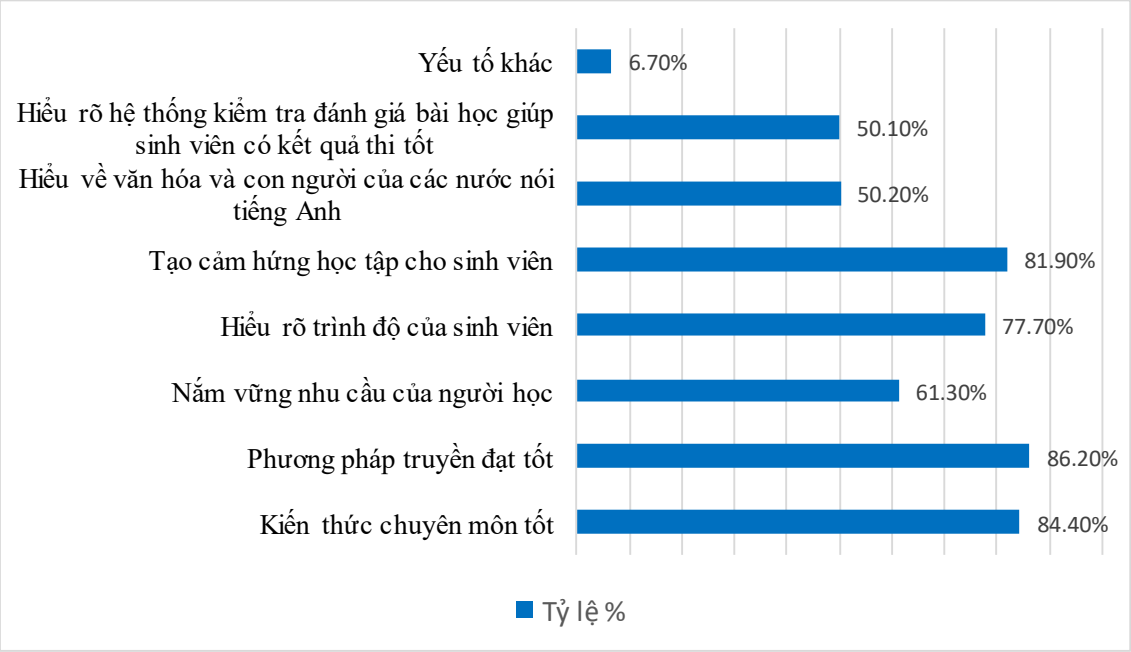
không tự tin khi nói tiếng Anh nếu họ có trình độ tiếng Anh cao và hoàn thiện hết mọi kĩ năng. Như vậy, đây là trạng thái tâm lí của những sinh viên tự ti, hạn chế trong năng lực ngoại ngữ, từ áp lực nói đúng và ngại ngần khi nói sai, áp lực hạn chế về năng lực ngôn ngữ,…

Kết quả cho thấy năng lực sử dụng ngoại ngữ của người học ngay cả trong lớp học còn ở trình độ thấp khi có tới 44,4% đối tượng khảo sát trả lời "Không hoàn toàn sử dụng tiếng Anh trong lớp học" trong khi họ lại có tình cảm nồng nhiệt với các yếu tố liên quan tới ngữ cảnh sử dụng tiếng Anh ngoài đời thực như 96,4% đối tượng khảo sát "Mong muốn làm bạn với người nước ngoài", 92% đối tượng khảo sát phủ nhận quan điểm "Cảm nhận người nước ngoài nói tiếng Anh là khó chịu", 88,4% mong muốn đạt tiếng Anh chuẩn quốc tế. Như vậy, một phần sự hứng khởi đối với môn học nằm ở chỗ người học có mong muốn được trải nghiệm thực với việc sử dụng tiếng Anh hơn là những môi trường có tính chất giả định. Kết quả khảo sát về cảnh huống và chính sách ngôn ngữ cho thấy rằng:

Thứ nhất, cần có sự kết nối giữa các đơn vị giáo dục trong và ngoài nước để mở rộng không gian giao tiếp. Không gian giao tiếp đó có thể mở rộng qua các hoạt động ngoại khóa, các câu lạc bộ, các cuộc thi học thuật lẫn giải trí liên quan đến tiếng Anh được xây dựng dựa trên những đặc trưng của nhóm người học và thỏa mãn nhu cầu người học, kích thích sự tham gia tích cực của người học vào các hoạt động. Đó cũng là cách thức gián tiếp kích thích thái độ tích cực của người học đối với việc học tiếng Anh. Không gian giao tiếp đó còn có thể bao phủ cả những hoạt động hợp tác giao lưu quốc tế để thỏa mãn nhu cầu trải nghiệm ngôn ngữ và văn hóa, xã hội của người học. Kết nối hiệu quả sẽ tạo sức mạnh lan tỏa để người học nhận thức được rằng ngoại ngữ là công cụ cần thiết giúp học nhanh chóng hòa nhập vào cộng đồng quốc tế, cũng như cập nhật kịp thời kiến thức chuyên môn.

Thứ hai, kết quả khảo sát cũng chỉ ra rằng cần tạo ra cảnh huống sử dụng tiếng Anh qua các hoạt động giao lưu, trao đổi sinh viên trong các cộng đồng sử dụng tiếng Anh và tiếng Việt. Hiện tại, có không ít những sinh viên nước ngoài sang Việt Nam học tập và sinh sống. Nhu cầu của nhóm đối tượng mong muốn học và thực hành tiếng Anh và nhu cầu của nhóm đối tượng mong muốn học và thực hành tiếng Việt cần được gắn kết với nhau. Về mặt tâm lí - xã hội học, các hoạt động này giúp người học hình thành cảm thấy tự tin khi thực hành sử dụng ngôn ngữ và tiếp cận các yếu tố mang tính xã hội của ngôn ngữ đó. Chỉ khi người học cảm thấy thoải mái, cởi mở với cá nhân hoặc trong cộng đồng người sử dụng ngoại ngữ, thì thái độ tích cực về mặt tâm lí mới thể hiện thành hành vi cụ thể về mặt học tập.

Thứ ba, kết quả khảo sát còn cho thấy vai trò truyền cảm hứng của người thầy là rất quan trọng. William A. Ward, nhà giáo dục lỗi lạc của nước Mỹ từng khẳng định: "Người thầy trung bình chỉ biết nói. Người thầy giỏi biết giải thích. Người thầy xuất chúng biết minh họa. Người thầy vĩ đại biết cách truyền cảm hứng". Điều này trùng khớp với ý kiến của người tham gia khảo sát: Ba phẩm chất hàng đầu mà sinh viên mong muốn nhất ở giảng viên là "phương pháp truyền đạt tốt" (86,2%), "kiến thức chuyên môn tốt" (84,4%), và "tạo cảm hứng học tập cho sinh viên" (81,9%). Suy cho cùng, vai trò truyền cảm hứng của người thầy đóng vai trò quan trọng, không chỉ trong một giai đoạn giáo dục ngắn ngủi, mà còn cho cả một hành trình học tập suốt đời.



Biểu đồ 4.1. *Hình mẫu về giảng viên tiếng Anh*

Như vậy, vai trò của giảng viên dạy ngoại ngữ cũng cần được xác định lại cho phù hợp với những chuyển biến trong lĩnh vực dạy học ngoại ngữ. Thực tế giáo dục ngoại ngữ hiện nay cho thấy sinh viên có rất nhiều sự lựa chọn khác nhau. Thậm chí, họ có thể không cần đến một trung tâm hay lớp học ngoại ngữ nào, mà hoàn toàn có thể tự học ở nhà với sự hỗ trợ của các thiết bị truyền thông đa phương tiện. Nhưng cho dù như vậy, họ vẫn khẳng định vai trò truyền cảm hứng hơn là truyền đạt nội dung kiến thức đơn thuần của người thầy.

Vai trò truyền cảm hứng còn thể hiện ở chỗ sinh viên mong mỏi sự đồng hành của người dạy trong quá trình học tập. Cụ thể, có tới 77,7% sinh viên được khảo sát mong muốn người dạy hiểu rõ trình độ tiếng Anh của bản thân người học. Hơn một nửa sinh viên được khảo sát mong muốn giảng viên hiểu nhu cầu của người học để hỗ trợ, tư vấn cho người học.

Kết quả khảo sát còn cho thấy quan điểm về người thầy của sinh viên cũng thay đổi tích cực. Chỉ có 50,1% sinh viên cho rằng giảng viên cần "hiểu rõ hệ thống kiểm tra đánh giá bài học giúp sinh viên có kết quả thi tốt". Kết quả này một mặt chỉ ra rằng sinh viên biết hướng việc học vào mục tiêu thực dụng lâu dài (học cho tương lai), chứ không phải học vì mục đích đối phó, hay vì quá coi trọng kết quả các kì kiểm tra. Mặt khác, kết quả này cũng hướng đến tầm quan trọng của việc truyền cảm hứng trong hoạt động dạy học ngoại ngữ. Giảng viên tại hai trường được khảo sát cơ bản đã thực hiện được vai trò truyền cảm hứng học tập cho sinh viên khi có tới 86,3% đối tượng khảo sát đồng ý với quan điểm "giảng viên khuyến khích năng lực ngôn ngữ của sinh viên". Kinh nghiệm của người dạy không hẳn được đong đếm bằng lượng tri thức tiếng Anh của họ, mà là kinh nghiệm về việc học ngoại ngữ của chính người dạy, những trải nghiệm cả về khó khăn cũng như thú vị mà người dạy có được trong quá trình học ngoại ngữ, con đường dẫn đến thành quả của người dạy. Chính những điều này mới là những yếu tố tác động không chỉ đến nhận thức, thái độ ngôn ngữ, mà còn đến hành vi của người học.

5. Kết luận

Kết quả nghiên cứu khẳng định rằng giảng viên có vai trò nổi bật trong việc định hình thái độ ngôn ngữ của sinh viên trong lớp tiếng Anh bậc đại học. Tuy nhiên, kết quả đồng thời chỉ ra một khoảng cách đáng chú ý giữa thái độ tích cực và hành vi giao tiếp: tỉ lệ sinh viên cảm thấy thoải mái

khi nói tiếng Anh trong lớp thấp, dù đa số ghi nhận được khuyến khích từ giảng viên. Kiểm định Chi-square xác nhận mối liên hệ giữa khuyến khích của giảng viên và mức phát biểu của sinh viên có ý nghĩa thống kê, nhưng hiệu quả khuyến khích tác động chưa mạnh, hàm ý rằng khuyến khích cần đi kèm với thiết kế tương tác và cơ chế giảm rủi ro tâm lí của sinh viên khi thực hành nói tiếng Anh trong lớp.

Về mặt học thuật, bài viết đóng góp cho việc xem lớp học như một "thiết chế xã hội vi mô", trong đó giảng viên kiến tạo quy tắc tương tác và điều kiện chuyển hóa thái độ thành hành vi. Về mặt thực tiễn, nghiên cứu gợi ý các định hướng can thiệp: tổ chức thực hành nói theo nhóm nhỏ, thiết lập chuẩn mực phản hồi tích cực, gắn đánh giá quá trình với tham gia giao tiếp, và mở rộng không gian trải nghiệm ngôn ngữ ngoài lớp học. Giới hạn của nghiên cứu nằm ở phương pháp chọn mẫu thuận tiện và việc chủ yếu dựa trên tự báo cáo. Các nghiên cứu tiếp theo có thể kết hợp quan sát lớp học/ ghi âm tương tác, hoặc mô hình hồi quy để làm rõ các biến trung gian như lo âu giao tiếp và chênh lệch trình độ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Nguyễn Văn Khang (2012), *Ngôn ngữ học xã hội - Những vấn đề cơ bản*. Nxb Giáo dục Việt Nam.

Tiếng Anh

2. Appel, R., & Muysken, P. (2006), *Language contact and bilingualism*. Amsterdam: Amsterdam University Press.
3. Gardner, R. C., & Lambert, W. E. (1972), *Attitudes and motivation in second-language learning*. Rowley, MA: Newbury House.
4. Kachru, B. B. (1985), Standards, codification and sociolinguistic realism: The English language in the outer circle. In R. Quirk & H. G. Widdowson (Eds.), *English in the world: Teaching and learning the language and literatures* (pp.11-30). Cambridge: Cambridge University Press.
5. Krjuchkova, T. B. (2008), *Language situation and language policy*. Moscow: Nauka.
6. Ward, W. A. (1973), *The teacher who inspires*. New York: Harper & Row.
7. Mikhalchenko, V. Yu. (2006), *Language policy and language planning*. Moscow: Institute of Linguistics, Russian Academy of Sciences.
8. Selinker, L. (1972), Interlanguage. *International Review of Applied Linguistics in Language Teaching*, 10(3), 209-231.

Classroom interaction and the role of lecturers in shaping students' language attitudes: a case study

Abstract: This paper analyzes the role of lecturers in classroom contexts in shaping university students' language attitudes in English language teaching and learning from a sociolinguistic perspective. Data were collected through a quantitative survey (5-point Likert scale) administered to students from two higher education institutions in Ho Chi Minh City. The findings indicate that classroom contexts—through lecturers' activities, teaching methods, and levels of encouragement—have a significant influence on students' language attitudes toward English. While students generally hold positive attitudes toward English, they have not yet demonstrated confident communicative behavior. The study highlights the role of lecturers as social agents in constructing the language environment and proposes solutions to enhance the effectiveness of English teaching at the tertiary level.

Key words: Lecturers; classroom context; language attitudes; university students; English.